

**DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BẢN SỰ**

Nhân duyên này rút ra trong kinh khác. Vào thời mạt pháp của Phật xưa có bốn vị Tỳ-kheo đối với kinh Pháp Hoa rất kính trọng, tuy thường mở kinh mà bí giáo cam lộ chưa thấm nhuần, ngày đêm chí thành thời khắc không quên, bèn than rằng: “Đó chẳng phải người kia ư? Địa chẳng phải nơi đó ư?” Thế gian bối rối buồn bã, tinh và tán chống trái lẫn nhau, người trực tiếp cầu sự an nhàn mà còn phải chán bỏ, huống chi tôn sùng đạo ư!

Do đó kết hợp rừng núi, chí ưa Phật tuệ ở nơi u tịch, ban ngày đi xin y phục lương thực, có khi chẳng được gì, chờ đợi nhiều ngày phiền não, không lúc nào là không thiếu thốn. Được bữa ăn ít ỏi mà phải đi vạ dậm, mười tuần chín bữa, chí ở Trời cao, có đáng được nói ư? một người trong số đó nói: “Chúng ta bốn người cùng quần thân còn không giữ được, pháp làm sao yên giữ? Các ông ba người chỉ đem thân mạng mà giữ đạo, đừng lo hai bữa sớm trưa, để một mình tôi nguyện bỏ thân này cung cấp những thứ cần dùng”. Nói thế, ngày ngày chống gậy vào cung xin thức ăn, hết xuân rồi đông, khắp chốn đi xin, như người đầy tớ phụng sự cho đại gia, cam khổ vô cùng không quản ngại. Ba vị kia nhờ đó mà tu công đức viên mãn làm lợi một đời này và vô lượng đời sau. Một người kia bởi vì thường ở chốn nhân gian, hay gặp thanh sắc giống như kim loại, gạch ngói chưa gặp lửa. Khó có thể giữ gìn. Một hôm, bỗng gặp vua ra khỏi thành, ngựa xe, cờ xí, trống vang rầm rộ, thấy vậy nên động lòng tâm ưa đắm sự vinh hoa kia, công đức huân tu tùy theo niệm mà thọ báo. Sinh ở người trời thường được làm vua, phước tuy không lường nhưng cũng có hạn. Ba người đắc đạo kia cùng nhau bàn bạc: “Chúng ta thoát khỏi “lồng này” là nhờ vị vua đó. Do vì tham đắm quả báo hữu vi tăng trưởng vị ấy từ đây chết rồi không còn làm vua nữa, mà chìm trong hầm lửa khó có thể cứu được. May mắn, nay người ấy chưa khổ, chính là lúc có thể khai hóa”. Một người nói: “Vị vua này do đắm dục mà lại tà kiến, nếu chẳng bị ái dẫn dắt thì không do đâu có thể cứu được. Một người có thể làm người vợ đoan chánh và hai người làm hai đứa con thông minh, vợ con nói thì ắt phải nghe theo”. Đúng như vậy mà thi hành giáo hóa và đã chuyển hóa được vua. Người vợ chính là Bồ-tát Diệu Âm, còn hai người con nay là Dược Vương và Dược Thượng Bồ-tát. Vua lúc ấy, nay là chính Hoa Đức Bồ-tát.

Sở dĩ bạch hào chiếu ở phương Đông, lên trên đài hướng đến

phương Tây dẫn dắt thần chú ủng hộ kinh khiến cho lưu thông, là vì lợi ích chúng sinh. Nói chuyện đời trước của bốn vị Thánh, nên gọi là “Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự”. Lại nữa, “Diệu Trang Nghiêm”: Diệu pháp công đức trang nghiêm các căn. Vị vua này ngày trước đối với Diệu pháp có duyên, đạo huân đến khi thuần thục các căn thanh tịnh, sinh thời tuy chưa thấu hoạch lý kia mà quyết thông thái, điềm linh cảm thông danh tốt sớm lập, ví như Thiện Cát tuy chưa được Vô tránh Tam-muội mà hiệu đã là “Không sinh”, cho nên văn dưới nói: “được môn Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm Tam-muội”. Vì nghĩa này nên gọi là “Diệu Trang Nghiêm Vương”. Phẩm trước nói “Chú” hộ trì, phẩm này nói Người hộ trì. Người hộ trì còn như vậy, hưởng chi “Chú” hộ trì càng tốt hơn, tức khuyến lưu thông khắp.

Văn chia làm sáu: 1. Nêu rõ sự bản. 2. Cùng nêu năng sở. 3. Năng hóa phương tiện. 4. Sở hóa được lợi ích. 5. Kết hợp xưa nay. 6. Nghe phẩm ngộ đạo. Phần Sự bản như văn. Từ “Trong pháp hội của Phật” trở xuống, là phần hai: Cùng nêu năng sở. Sở hóa là một người, năng hóa là ba người, đều nêu tên. Riêng nêu hai người con có đủ phước tuệ, lực độ, tứ hoàng nguyện. Các kinh khác thì chỉ đây là Thập Ba-la-mật, là pháp môn theo chiều ngang. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là pháp môn theo chiều dọc, các kinh khác gọi đó là chánh đạo, hành hạnh làm trợ đạo. Kinh này chỉ Thập độ làm chánh, gọi đó là trợ đạo. Trong Thiền độ có đủ Tam-muội, trong đạo phẩm mỗi mỗi có Tam-muội. Lại, nêu bảy Tam-muội, rộng hiển bày pháp môn.

Từ “Lúc đó đức Phật kia” trở xuống, là phần ba: Năng hóa phương tiện, văn chia làm ba: 1. Thời đến. 2. Luận nghị. 3. Hiện hóa. Thời đến: đức Phật kia xuất thế thường tuyên diễn chánh pháp, đối với vua vì duyên yếu thì chẳng phải thời kia, nếu thuyết Pháp Hoa thì là thời kia. Văn nói: “Đức Phật kia vì muốn dẫn dắt vua nên thuyết kinh Pháp Hoa này”, tức nghĩa kia vậy. Trong phần Luận nghị, con thưa với mẹ thời đến, mẹ bảo con giáo hóa cho cha, con kêu rằng đã sinh ra trong nhà tà kiến, mẹ trách khiến con lo lắng suy nghĩ, đều như văn. Phần Hiện hóa: Từ “Lúc đó hai người con” trở xuống, là phần ba: Hiện hóa ứng mười tám phép biến hóa, có thể giải thích đủ. Từ “Lúc ấy người cha thấy các con” trở xuống, là phần bốn: Sở hóa được ích.

Văn chia làm mười: 1. Tin con kính phục thầy của con: muốn cho tà kiến của vua hoặc một hoặc hai tiêu mòn, vua thấy con biến hóa như vậy tán thán việc chưa từng có, tin con và phục thầy của con, hỏi thầy con là ai? Ta cũng muốn ra mắt thầy con. 2. Vua cha đã tin, trong

cung có tám vạn bốn ngàn người đều có thể tin. Hai người con liền đến chỗ mẹ xin cho xuất gia, mẹ đồng ý. 3. Thúc giục cha mẹ: nay chính phải thời, đức Phật khó gặp. 4. Công giáo hóa đã thành tựu, Phật tán thán công đức. “Pháp hoa Tam-muội”: thâm nhiếp tất cả các pháp trở về Nhất thật tướng như trước nói. “Ly-chư-ác-thú Tam-muội”: xưa coi tam đồ là ác thú, luận đủ hai mươi lăm cõi, đều là trái chân khởi vọng đều là ác thú, nay thấy đều xa lìa, tức thành hai mươi lăm Tam-muội, phá hai mươi lăm cõi. “Chư Phật tập Tam-muội”: tức bí mật tạng mà đức Phật tu tập trong đó, là hành xứ chỉ của Phật chẳng phải của người khác. 5. Đến chỗ Phật: nghe pháp cúng dường thấy tướng tốt hoan hỷ. 6. Được Phật thọ ký. 7. Xuất gia tu hành. 8. Xưng tán hai con. 9. Đức Phật thuật lại công hạnh cao sâu. 10. Tán thán Phật, tự thệ, Phật tán thán thiện tri thức công đức lớn có ý nghĩa, Thiện tri thức năng làm Phật sự, đây là ngoại hộ thiện tri thức. Chỉ dạy làm cho được lợi ích vui mừng, đây là giáo thọ thiện tri thức. Có chỗ nói “giáo hóa dẫn dắt khiến được thấy Phật”, đây là Đồng hành thiện tri thức. “Khiến nhập Bồ-đề”, đây là Thật tế thật tướng thiện tri thức. Kinh Tạp A-hàm nói: “Thiện tri thức như người phụ nữ trinh tiết lương thiện”, đây tức nghĩa Ngoại hộ. Lại, “Thiện tri thức như tông thân tài (tiền bạc và người thân)”, đây tức nghĩa Đồng hành. Lại, “Thiện tri thức như người chủ buôn dẫn dắt đường”, đây là nghĩa Giáo thọ. Lại, “Thiện tri thức như con nằm trong lòng cha”, đây là nghĩa Thật tế.

Từ “Phật bảo đại chúng” trở xuống, là kết hội xưa nay: trước kết hội, tiếp kết tán hai vị Bồ-tát.

Từ “Lúc đức Phật nói” trở xuống, là nghe phẩm đặc đạo, như văn.

-----

*Phẩm Thứ 28* **PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT**

Đại luận và Quán kinh đều gọi là “Biến Cát”, kinh này gọi là “Phổ Hiền”, đều là Hán ngữ Tiếng Phạm: *Bật-thâu-bạt-đà*, Trung Hoa dịch Phổ Hiền. Kinh Bi Noa nói: “Ta thề ở cõi uế ác hành Bồ-tát đạo khiến cho được trang nghiêm thanh tịnh, ta tu hành chủ yếu phải hơn các Bồ-tát”. Đức Phật Bảo Tạng dạy: “Do nhân duyên đó nay sửa tên ông là Phổ Hiền”, đây là ý của tam Tất-đàn, lại là giải thích theo nhân duyên. Lại, do hạnh nguyện mà đặt tên. Do đời trước tu Tứ niệm xứ cho đến Tứ thiện căn, xưng chung là “Phổ Hiền”. Riêng căn cứ Thế đệ nhất pháp, thì được gần Chân cận Thánh gọi là “Hiền”, đây là trong Tam tạng thuyết.

Nay nói rằng: tốt bậc của Phục đạo, nhân kia cùng khắp thì gọi là “Phổ”; sau Đoạn đạo, gần cực Thánh thì gọi là “Hiền”. Nếu Thập tín là bắt đầu Phục đạo, thì chẳng phải đầu chẳng phải cùng khắp, lân cận hàng sơ Thánh là sơ. Chẳng sau chẳng cùng cực, cho đến hàng Thập địa cũng chẳng cùng khắp cùng tốt, hướng chi các vị trước ư! Nay luận về địa vị Đẳng giác, tốt bậc trong các Phục đạo, Phục đạo cùng khắp cho nên gọi là “Phổ”. Đoạn đạo vừa tận, so sánh không có ai bằng, gần cùng cực rốt cuối, nên gọi là “Hiền”. Thích luận dẫn “trăng đêm mười bốn như trăng đêm mười lăm”, nghĩa đây sáng tỏ. Đây căn cứ địa vị Viên giáo giải thích hậu vị Phổ Hiền.

“Khuyến phát”: là ngôn từ để chỉ cho sự luyến mộ pháp, ở nước khác xa nghe đủ kinh này từ đầu đến cuối đủ khắp muốn làm tốt việc tự hành hóa tha vĩnh viễn không dứt, cho nên từ đông từ tây mà đến. Khuyến phát có đầy đủ ý của tứ Tất-đàn. Văn nói: “Con vì cúng dường kinh Pháp Hoa, nên tự hiện thân. Nếu người thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa đặng thấy thân con liền rất vui mừng lại càng tinh tấn, liền đắc Tam-muội và Đà-la-ni. Đặng chú Đà-la-ni này thì không có loài phi nhân nào có thể phá hoại được, cũng chẳng bị người nữ làm hoặc loạn. Tam thiên đại thiên thế giới vì trần số các đại Bồ-tát đầy đủ đạo Phổ Hiền”. Như văn đây nêu tức dùng tứ Tất-đàn mà khuyến phát.

Bên trên đã phân rõ lưu thông chia làm ba: từ mười chín hàng kệ về sau, ba phẩm rưỡi nêu đại lực của kinh để khuyến lưu thông. Từ phẩm Dực vương trở xuống năm phẩm, nêu đại lực hóa đạo của Bồ-tát để khuyến lưu thông. Một phẩm này nêu đại lực thệ nguyện của ngài Phổ Hiền để khuyến lưu thông. Phân văn làm bốn: 1. Phát lai. 2. Khuyến phát. 3. Thuật phát. 4. Phát ích.

Phần một: kinh gia trình bày Phát lai, chia làm ba: 1. Thượng cúng dường. 2. Hạ hóa độ. 3. Tu kính. “Tự tại” là Lý nhất, “thần thông” là Hạnh nhất, “oai đức” là Nhân nhất, “danh văn” là Giáo nhất. Lại, “tự tại” là Thường, “thần thông” là Lạc, “oai đức” là Ngã, “danh văn” là Tịnh. Ngôn thuyết như dây tức một mà bốn đức, không gì là không đầy đủ nghĩa tự tại. Tịnh lực cho nên “mưa hoa”. Lạc lực cho nên “tấu nhạc”, “thần thông” cho nên “động đất”, tự tại lực cho nên tùy ý mà mưa, tùy đi, tùy mưa, tùy động, tùy tấu, ví như con rồng lớn bay đi không ngừng, thân phun mây mưa tuôn chảy không cùng. Phổ Hiền và quyến thuộc, dùng thân Bồ-tát, dùng lực bốn đức đến khuyến phát tứ Nhất. “Các nơi đi ngang qua” trở xuống, là tự hành, là thượng cúng dường, việc đó như thế. Từ “Lại cùng vô số đại chúng trời rồng” trở xuống, là ngang qua các nơi, là hạ hóa chúng sinh lợi ích. Tùy nơi thích nghi mà hiện tướng Bát bộ, lược dùng hai lực, tùy khả năng gánh vác, việc đó như thế. Tu kính: đầu mặt lễ bái, như văn.

Khuyến phát có hai: 1. Thỉnh vấn khuyến phát. 2. Thệ nguyện khuyến phát. Có hỏi có đáp. Hỏi: xa nghe kinh xong luyến pháp không dứt, xa đến ý muốn khuyến phát vì vậy nên lại thỉnh chánh thuyết khuyến phát tự hành, lại thỉnh lưu thông khuyến phát hóa tha. Đức Như Lai nếu thuận theo hai đường, thì lại diễn thuyết phóng quang không cùng cực, cho nên song thỉnh. Phần Đức Phật đáp: Trước tổng, tiếp biệt, sau kết. Biệt nêu bốn pháp, tên gọi như văn. Vì Phổ Hiền song thỉnh, đức Như Lai khéo đáp, lược nêu bốn để bao quát nhiều, Vì sao? Vì lược bốn pháp bao quát Chánh thuyết và Lưu thông Vì sao? Vì Phật tuy đáp mà không thiên lệch! Nếu có thể xa lìa ác, theo thiện, bỏ mê trở về chánh, khai quyền tri kiến hiển Phật tri kiến thì xứng với Thánh tâm gọi là “được chư Phật hộ niệm”. Nếu tri kiến Phật được khai mở thì Bát-nhã chiếu sáng, là “trông các cội công đức”, cũng là “nhập chánh định tụ”, không loạn không vị không thủ không xả, cũng là “phát tâm cứu tất cả chúng sinh”. Phải biết bốn pháp này cùng với “khai quyền hiển thật”, danh khác mà thể đồng, không hai không khác. Lại “Phật hộ niệm”: là Khai tri kiến Phật. “Trông các cội công đức” là Thị tri kiến Phật. “Phát tâm cứu tất cả chúng sinh” là Ngộ tri kiến Phật, “Nhập chánh định tụ” là Nhập tri kiến Phật. Trọng yếu của Tích môn được thu trong bốn pháp này.

Lại nữa, Tích thì có Bản. Từ Bản mà khai thị ngộ nhập, cho nên có khai thị ngộ nhập trong Tích. Nay khai Tích tức hiển Bản, bản tích không hai không khác. Dùng bốn pháp đáp lời thỉnh Chánh thuyết, thì

nghĩa đã rõ ràng. Dùng bốn pháp đáp lời thỉnh Lưu thông, phương pháp lưu thông dù ba dù bốn. “Phát tâm cứu tất cả chúng sinh” là vào nhà Như Lai. “Nhập chánh định tụ, được Phật hộ niệm” là mặc áo Như Lai. “Trồng các cội công đức” là ngôi tòa Như Lai. Cốt yếu của hồng tuyên tức bốn mà ba. “Phát tâm cứu tất cả chúng sinh” là thệ nguyện An lạc hạnh. “Nhập chánh định tụ” là ý An lạc hạnh. “Trồng các cội công đức” là khẩu An lạc hạnh. “Được Phật hộ niệm” là thân An lạc hạnh. Phải biết bốn pháp sau tức là bốn pháp trước. Một lời đáp hai lời thỉnh kia nêu bốn cái Nhất của một kinh, diễn lại Pháp Hoa, lại một lần nữa diễn kinh này. Xa đến khuyến phát, nghĩa đó như thế. Sau kết: “Sau khi Như Lai diệt độ quyết định kinh này”. Xưa nói: “Năng hành bốn pháp thì trong đời vị lai, tay thường cầm kinh này” Nay nói không như vậy. Văn trên nói: “Nghĩa thật tướng của các pháp, đã vì các ông nói”, Lại nói: “Điều khiến cho chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật”, bởi chánh thể Pháp Hoa năng hành bốn pháp ấy được hiểu biết như thế, gọi là kinh.

Đây là kết lời hỏi thỉnh Chánh thuyết kia. Nếu có thể vận dụng giải hạnh này truyền cho người khác. Người khác được tín giải này thành người nương tựa đầu tiên. Người có thể được hiểu chân thật, thành người nương tựa thứ ba, thứ tư. Đây là kết lời hỏi thỉnh Lưu thông. Ý này không thấy nói ở các kinh khác.

Thệ nguyện khuyến phát: từ “Bạch Phật” trở xuống. Văn chia làm hai: 1. Hộ người. 2. Hộ pháp.

Hộ người có sáu:

1. Dẹp trừ được nạn ngoài. Ban đầu tổng trừ nạn kia, cho nên nói “khiến không ai được tiện lợi rình tìm làm hại”. Tiếp là biệt trừ nạn kia: nêu mười hai loại phi pháp.

2. Dạy nội pháp cho họ, gồm ba phen dạy bảo: Một, người kia đi đứng đọc tụng, con cỡi voi trắng sáu ngà đến an ổn tâm kia. Hai, người kia ngồi tư duy, con lại cỡi voi trắng sáu ngà chỉ bày kinh kia cùng Tam-muội kia. “Triền Đà-la-ni” là Giả nhập Không, “Trăm ngàn vạn ức triền Đà-la-ni”, triền Không xuất Giả. “Phương tiện” nhị là đạo phương tiện để đắc nhập Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Sau ba tuần nhất tâm tinh tấn, lại cỡi voi trắng sáu ngà chỉ dạy làm an vui lợi ích; nói chú, như văn.

3. Lại dùng thần lực: hoặc nghe hoặc giữ gìn đều là thần lực, như văn.

4. Chỉ bày nhân thù thắng: Hoặc có khả năng như năm hạng pháp

sư, tức ở ba đời Phật gieo trồng căn lành thuần thực được giải thoát, người này đồng được giải thoát vào thời Phật đời vị lai, nên nói “đồng hạnh Phổ Hiền”. Người này đã gieo trồng căn lành ở thời Phật trước, cho nên nói “sâu trồng căn lành”. Người này hiện đời được thuần thực cho nên nói “được Phật lấy tay xoa đầu”.

5. Chỉ bày cận quả: chỉ có thể biên chép thì sẽ sinh ở cõi trời Đao-lợi. Đủ khả năng của năm loại pháp sư, thì sẽ sinh ở cung trời Đâu-suất, như văn.

6. Tổng kết: “Cho nên người trí phải một lòng tự chép”...

Từ “Thế Tôn! Con nay dùng sức thần lực” trở xuống, là thệ nguyện hộ pháp, như văn.

Thuật phát: Tức là Như Lai nêu lên nghĩa hơn, thuật thành ý kém. Tăng tiến hạnh: là mạnh mẽ hoằng kinh. Trước thuật hộ pháp, nói “Ông có thể như thế làm nhiều lợi ích” bên ngoài, bên trong thì “úch chứa từ bi”. Lại, từ nhiều kiếp đến nay hộ trì như đây, ta cũng dùng thần lực của Phật hộ trì pháp này, hưởng chi là ông! Như văn. Từ “Nếu có người khinh chê” trở xuống, là thuật Hộ người, tuy không thuật theo thứ lớp mà ý thành đầy đủ. “Phải biết người đó thời là thấy Đức Thích-ca Mâu-ni”, là thuật chỉ bày thân giáo pháp kia. Người đó còn thấy thân quả vạn đức của ta hưởng chi ông vì cõi voi trắng sáu ngà, lại còn từ miệng Phật nghe kinh đầy đủ, hưởng chi ông nhắc nhở khi họ quên mất chương câu. Người kia còn được Phật tán thán, lấy tay xoa đầu, được Phật hộ niệm, hưởng chi ông vì do nhân Đà-la-ni che chở.

Từ “Người ấy không còn tham đắm sự vui của thế gian” trở xuống, là thuật nêu nhân kia. Rộng nêu trong nhân không còn có các lỗi ác, ít ham muốn biết đủ, tu hạnh Phổ Hiền thuật thắng nhân. Từ “Sau khi Như Lai diệt độ” trở xuống, thuật nêu cận quả. Người kia sẽ đến đạo tràng cũng thành viên quả, hưởng chi cận quả! Cũng trong đời hiện tại đắc cận quả kia được sinh cõi trời. Từ “Nếu có người khinh chê” trở xuống, là thuật năng trừ ngoại nạn. Đức Phật rộng chỉ tội hủy báng, khiến cho biết lỗi ắt sửa đổi không làm nào loạn nhau, chẳng những người trì kinh diệt được nạn mà còn muốn tội hủy phước sinh. Không hủy không nạn, kia đây an lạc cứu giúp rộng rãi, là từ bi không thiên lệch. Từ “Nên đứng dậy xa rước phải như kính Phật” là thuật kết công đức của người tin.

Từ “Lúc Phật thuyết” trở xuống là Phát ích, có hai:

1. Nghe phẩm được lợi ích: “Triền Đà-la-ni” là vị sơ địa, “đầy đủ đạo Phổ Hiền” là vị Thập địa.

2. Nghe kinh được lợi ích: là đại chúng hoan hỷ như trước nói. Trong đây vì sao còn gọi là Thanh văn? Chính kinh gia còn giữ bản vị kia. Lại nữa, kinh gia gọi kia là Đại thừa Thanh văn. “Dùng âm thanh Phật đạo khiến cho tất cả đều nghe”, nghĩa này càng rõ.

